

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 195 /2020/DS-ST

Ngày 17 – 11 – 2020

V/v tranh chấp tiền vay và hụi

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Ông Lương Tiến Sĩ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**Ông Võ Thanh Liêm**

**Ông Nguyễn Hoàng Dân**

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Ngô Thúy Nguyên – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên toà:***  
Ông Nguyễn Bảo Em - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 256/2020/TLST-DS, ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 721/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Trần Thùy Tr, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Số 104, đường Tô Hiến Thành, khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh D. Có mặt.

***- Bị đơn:*** Bà Lê Thị T, **sinh năm : 1982** ; Nơi cư trú: Ấp Cái Nai, xã G, thành phố C, tỉnh D. Có mặt.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Hà Văn L; Nơi cư trú: Số 104, đường Tô Hiến Thành, khóm A, phường B thành phố C, tỉnh D.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Hà Văn L:* Bà Trần Thùy Tr, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Số 104, đường Tô Hiến Thành, khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh D. Có mặt.

2. Ông Trang Văn B; Nơi cư trú: Ấp Cái Nai, xã G, thành phố C, tỉnh D.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Trang Văn B : Bà Lê Thị T; Nơi cư trú: Ấp Cái Nai, xã G, thành phố C, tỉnh D. Có mặt.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Bà Trần Thùy Tr trình bày: bà có tham gia chơi hụi do bà Lê Thị T làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất: khai ngày 30/3/2012, loại hụi 300.000đ/tháng, bà tham gia 05 chân, đóng hụi được 27 kỳ thì ngưng. Đối với dây hụi này bà T còn nợ bà:  $(05 \text{ chân} \times 300.000\text{đ}/\text{chân}) \times 27 \text{ kỳ} = 40.500.000\text{đ}$ .

- Dây thứ hai: khai ngày 30/9/2011, loại hụi 100.000đ/tháng, bà tham gia 04 chân, đóng hụi được 32 kỳ thì ngưng. Đối với dây hụi này bà T còn nợ bà:  $(04 \text{ chân} \times 100.000\text{đ}/\text{chân}) \times 32 \text{ kỳ} = 12.800.000\text{đ}$ .

- Dây thứ ba: khai ngày 10/3/2012, loại hụi 100.000đ/tháng, bà tham gia 10 chân, đóng hụi được 26 kỳ thì ngưng. Đối với dây hụi này bà T còn nợ bà:  $(10 \text{ chân} \times 100.000\text{đ}/\text{chân}) \times 26 \text{ kỳ} = 26.000.000\text{đ}$ .

- Dây thứ tư: khai ngày 20/5/2012, loại hụi 300.000đ/tháng, bà tham gia 054 chân, đóng hụi được 25 kỳ thì ngưng. Đối với dây hụi này bà T còn nợ bà:  $(04 \text{ chân} \times 100.000\text{đ}/\text{chân}) \times 25 \text{ kỳ} = 10.000.000\text{đ}$ .

- Dây thứ năm: khai ngày 07/01/2012, loại hụi 100.000đ/tháng, bà tham gia 10 chân, đóng hụi được 28 kỳ thì ngưng. Đối với dây hụi này bà T còn nợ bà:  $(10 \text{ chân} \times 100.000\text{đ}/\text{chân}) \times 28 \text{ kỳ} = 28.000.000\text{đ}$ .

- Dây thứ sáu: khai ngày 26/4/2012, loại hụi 30.000đ/tuần, hụi có 93 chân, bà tham gia 10 chân, đóng đến ngày mãn hụi. Đối với dây hụi này bà T còn nợ bà:  $(10 \text{ chân} \times 30.000\text{đ}/\text{chân}) \times 93 \text{ kỳ} = 27.900.000\text{đ}$ .

Tổng số tiền hụi bà T còn nợ bà là 145.200.000đ.

Ngoài ra, bà T có vay của bà nhiều lần với tổng số tiền là 310.000.000đ, cụ thể như sau: ngày 22/3/2013 (âm lịch) vay 10.000.000đ; ngày 19/4/2013 (âm lịch) vay 20.000.000đ; ngày 27/8/2013 (âm lịch) vay 2.000.000đ; ngày 14/9/2013 (âm lịch) vay 10.000.000đ; ngày 07/9/2013 (âm lịch) vay 8.000.000đ; ngày 15/9/2013 (âm lịch) vay 260.000.000đ. Khi vay thỏa thuận lãi suất 5%/tháng. Sau khi vay, bà T có đóng lãi cho bà của khoản vay ngày 22/3/2013 đóng lãi được 3.000.000đ và khoản vay ngày 19/4/2013 đóng lãi được 5.000.000đ thì ngưng không đóng nữa. Ngày 26/5/2014 bà T tuyên bố vỡ hụi và bỏ địa phương đi đến nay mới trở về.

Nay bà yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán cho bà tổng số tiền là 695.200.000đ. Cụ thể như sau: Tiền hụi là 145.200.000đ; Tiền vốn vay là 310.000.000đ, tiền lãi của vốn vay là 248.000.000đ (tiền lãi tính từ ngày 15/9/2013 âm lịch đến ngày 27/4/2020 âm lịch, lãi suất 1,66%/tháng:  $310.000.000\text{đ} \times 1,66\%/tháng \times 80 \text{ tháng} = 248.000.000\text{đ}$ ). Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bà Lê Thị T trình bày: năm 2008 bà có vay tiền của bà Tr và ông L số tiền vốn 140.000.000đ, với lãi suất là 5%. số tiền lãi bà đóng cho bà Tr được 01 lần 40.000.000đ và 01 lần 20.000.000đ. Ngày 15/9/2013 bà Tr kêu bà ghi giấy nợ tổng số vốn và lãi là 310.000.000đ.

Đối với tiền hụi : hụi 300.000đ mở ngày 10/5/2013 bà Tr đóng được 49 lần là 15.000.000đ; hụi 100.000đ mở ngày 22/01/2013 bà Tr đóng được 28 lần là 28.000.000đ; hụi 300.000đ mở ngày 20/3/2012 bà Tr đóng được 27 lần là 40.050.000đ; hụi 100.000đ mở ngày 10/9/2012 bà Tr đóng được 40 lần là 40.000.000đ ; hụi 100.000đ mở ngày 30/9/2013 bà Tr đóng được 15 lần là 3.000.000đ. Tổng cộng 126.500.000đ. Còn giấy tờ vay tiền và chơi hụi với bà Tr hiện đã bị mất.

Nay bà T đồng ý thanh toán cho bà Tr số tiền vay là 140.000.000đ và tiền hụi là 126.500.000đ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau về chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký , Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà Tiền thanh toán cho bà Trang tổng số tiền vay và hụi là 695.200.000đ. Án phí đương sự chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp được xác định là tiền vay và hụi. xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về khoản tiền hụi : Tại phiên tòa bà Tr cho rằng có tham gia chơi hụi của bà T 06 dây hụi và bà Tiền còn nợ số tiền hụi tổng cộng là 145.200.000đ. Còn bà T chỉ thừa nhận còn nợ tiền hụi bà Tr số tiền 126.500.000đ.

Xét thấy việc nguyên và bị đơn giao dịch hụi với nhau là có thật, điều này được các bên thừa nhận. tuy nhiên số tiền nợ hụi mà nguyên đơn cho rằng bị đơn còn nợ 145.200.000đ là không có cơ sở, bởi lẽ nguyên đơn không có chứng cứ gì chứng minh cho việc bị đơn nợ số tiền này, mặc dù tại giấy ghi hụi của bị đơn thừa nhận là nguyên đơn có chơi các dây hụi, nhưng về nội dung không thể hiện rõ cụ thể là số tiền đóng được bao nhiêu, trong khi đó tại phiên tòa và giấy ghi hụi mà bị đơn cung cấp chỉ thể hiện số tiền hụi bị đơn còn nợ số tiền 126.500.000đ, do đó xét thấy sự thừa nhận của bị đơn là có căn cứ nên chấp nhận. Như vậy, số tiền hụi bà T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Tr là 126.500.000đ, số tiền hụi bà Trang không được chấp nhận là 18.700.000đ.

-Về khoản tiền vay : Bà T cho rằng việc bà ghi biên nhận nợ 310.000.000đ cho bà Tr là do bà Tr kêu bà ghi nợ, chứ thực chất bà chỉ còn nợ bà Tr số tiền 140.000.000đ. Tuy nhiên, bà T lại không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho việc bà còn nợ bà Tr số tiền 140.000.000đ, trong khi đó biên nhận nợ và tại phiên tòa bà T

ký nhận bà thừa nhận có nhận tiền của bà Tr nhiều lần với tổng số tiền là 310.000.000đ. Do đó bà phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Tr số tiền này là hoàn toàn có cơ sở.

-Về số tiền lãi tuy tại các biên nhận nợ không thể hiện lãi suất là bao nhiêu, nhưng tại phiên tòa nguyên và bị đơn thừa nhận đôi bên thỏa thuận miệng lãi suất là 5%. do đó việc bà Tr yêu cầu bà T thanh toán khoản tiền vay 310.000.000đ và yêu cầu tính lãi theo lãi suất 1,66% là phù hợp theo quy định tại Điều 468 bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Tuy nhiên tại phiên tòa bà Tr chỉ yêu cầu tính lãi từ tháng 9/2013 đến tháng 6/2020, với số tiền lãi 248.000.000đ – 8000.000đ bà T đã trả lãi = 240.000.000đ. Xét thấy việc tự nguyện đối trừ tiền lãi và yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là thấp hơn số tiền lãi tính theo quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

[2]Đối với việc bà T cho rằng bà đã trả lãi cho bà Tr được 60.000.000đ, nhưng bà lại không có chứng cứ gì chứng minh cho việc trả lãi này. Do đó lời trình bày của bà T là không có cơ sở chấp nhận.

[3]Đối với chi phí giám định chữ ký, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Tr số tiền này là phù hợp.

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch các đương sự phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH :**

Căn cứ Điều 468, 471 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thùy Tr. Buộc bà Lê Thị T thanh toán cho bà Trần Thùy Tr tổng số tiền vay và hụi là 676.500.000đ ( trong đó tiền hụi 126.500.000đ, tiền vay vốn và lãi 550.000.000đ ).

2. Buộc bà Lê Thị T hoàn trả cho bà Trần Thùy Tr chi phí giám định với số tiền là 4.880.000đ

*Kể từ ngày bà Trần Thùy Tr có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Thị T không thi hành các khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.*

3. không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thùy Tr yêu cầu bà Lê Thị T thanh toán số tiền hụi chênh lệch là 18.700.000đ.

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Lê Thị T phải chịu 31.060.000đ . Bà Tr phải chịu 935.000.000đ. Ngày 18/6/2020 bà Tr đã dự nộp 15.904.000đ được đối trừ chuyên thu. Bà Tr được hoàn lại khoản tiền 14.969.000đ khi bản án có hiệu lực.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***

- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu Án văn (VPTANDTPCM);
- Lưu VT ( TM:TANDTPCM ).

**Lương Tiến Sĩ**

***Nơi nhận:***

- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu Ấn văn (VPTANDTPCM);
- Lưu VT ( TM:TANDTPCM ).

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lương Tiến Sĩ**